



MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 27

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Bông Sen (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng Quản trị:**

Ông Phan Tuấn Sơn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đức Tài	Thành viên
Ông Phan Văn Chiến	Thành viên

**Ban Giám đốc:**

Ông Nguyễn Đức Tài	Giám đốc
Ông Phạm Trọng Bình	Phó Giám đốc

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Nguyễn Đức Tài  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2014



# CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ : Phòng 3203, Tầng 32, Nhà 34T, KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.  
Address: Room 3203, 32<sup>nd</sup> Floor, 34T Building, Trung Hoa - Nhan Chinh, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam.  
Tel: +84.4 222 12 891 Fax: +84.4 222 12 892 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 3775/2014/BCSX-IFC

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

Về Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014 của Công ty Cổ Phần Quản lý Quỹ Bông Sen

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Bông Sen

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính”) của Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Bông Sen (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 15 tháng 08 năm 2014, từ trang 9 đến trang 27.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Theo thuyết minh số V.07, tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2014, Công ty đang phản ánh dự phòng công nợ phải thu khó đòi số tiền 1.418.361.983 đồng đối với khoản ký quỹ, ký cược dài hạn. Với các thông tin và bằng chứng thu thập được chúng tôi không có đủ cơ sở để đưa ra ý kiến về tỷ lệ trích lập dự phòng mà Ban Giám đốc Công ty đã ước tính đối với khoản phải thu trên và ảnh hưởng của khoản mục này đến các chỉ tiêu khác được trình bày trên Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014, phù hợp với Thông tư số 125/2011/TT-BTC ban hành ngày 05 tháng 09 năm 2011 hướng dẫn kế toán đối với công ty quản lý quỹ, chuẩn mực và Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Phạm Tiến Dũng**  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0747-2013-072-1  
Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2014

**Nguyễn Huy Hùng**  
Kiểm toán viên  
Chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 2335-2013-072-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014**MẪU B01 - CTQ**  
Đơn vị : VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
<b>A – TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>13.438.623.673</b>	<b>27.027.026.372</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>2.009.407.723</b>	<b>698.573.086</b>
1. Tiền	111		309.407.723	698.573.086
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.700.000.000	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.2</b>	<b>10.664.225.935</b>	<b>11.297.526.698</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		11.982.159.020	12.633.764.783
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(1.317.933.085)	(1.336.238.085)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>330.223.018</b>	<b>(862.573.025)</b>
1. Trả trước cho người bán	132		22.142.112	859.064
2. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	134	V.3	51.785.923	38.653.816
3. Các khoản phải thu khác	135	V.4	256.294.983	512.051.333
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	(1.414.137.238)
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>434.766.997</b>	<b>15.893.499.613</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		87.814.928	88.195.383
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.5	322.620.069	315.092.582
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		24.332.000	15.490.211.648
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>13.088.673.555</b>	<b>356.305.446</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>(1.418.361.983)</b>	<b>-</b>
1 Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(1.418.361.983)	-
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>323.415.708</b>	<b>356.305.446</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	323.415.708	356.305.446
- Nguyên giá	222		694.422.911	732.588.290
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(371.007.203)	(376.282.844)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		99.000.000	99.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(99.000.000)	(99.000.000)
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>14.183.619.830</b>	<b>-</b>
1. Tài sản dài hạn khác	268	V.7	14.183.619.830	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>26.527.297.228</b>	<b>27.383.331.818</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**  
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

**MẫUB 01 - CTQ**  
 Đơn vị : VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>292.124.808</b>	<b>975.970.819</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>262.225.068</b>	<b>947.471.822</b>
1. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.8	21.115.688	38.911.099
2. Phải trả người lao động	315		54.575.064	-
3. Chi phí phải trả	316	V.9	27.390.000	28.140.000
4. Các khoản phải trả khác	319		19.461.328	31.429.774
5. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		10.194.294	10.194.294
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328		129.488.694	838.796.655
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>29.899.740</b>	<b>28.498.997</b>
1. Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	337	V.10	29.899.740	28.498.997
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>26.235.172.420</b>	<b>26.407.360.999</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>26.235.172.420</b>	<b>26.407.360.999</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		25.000.000.000	25.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1.235.172.420	1.407.360.999
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>26.527.297.228</b>	<b>27.383.331.818</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
1. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002		1.257.039.000.000	1.257.039.000.000
2. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ	006		997.160.000	997.160.000
2.1 Chứng khoán giao dịch	008		997.160.000	997.160.000
3. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	030		2.652.886.467	1.188.790.498
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước	031		1.245.236.037	14.360.954
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	032		1.407.650.430	1.174.429.544
4. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	040	V.11	26.769.253.716	25.078.140.485
4.1 Nhà đầu tư ủy thác trong nước	041		5.357.254.140	3.090.834.716
4.2 Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	042		21.411.999.576	21.987.305.769
5. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	050	V.12	3.815.286.694	287.116.152
6. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	051	V.13	351.526.216	199.716.201



Nguyễn Đức Tài  
 Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2014

Trần Thị Anh Đào  
 Kế toán trưởng

Trần Thị Anh Đào  
 Người lập

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014

MẪU B02 - CTQ  
Đơn vị : VND


Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
1. Doanh thu	01	VI.1	820.127.749	3.180.821.168
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10		820.127.749	3.180.821.168
4. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	11	VI.2	786.158.462	1.190.223.575
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	20		33.969.287	1.990.597.593
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	410.296.828	471.970.754
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	(18.305.000)	14.078.000
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		729.216.853	2.280.698.872
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(266.645.738)	167.791.475
10. Thu nhập khác	31		94.457.159	852.112.924
11. Chi phí khác	32		-	-
12. Lợi nhuận khác	40		94.457.159	852.112.924
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(172.188.579)	1.019.904.399
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.5	-	254.792.175
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(172.188.579)	765.112.224
17. Lãi trên cổ phiếu	70	VI.6	(69)	306



Nguyễn Đức Tài  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2014

  
Trần Thị Anh Đào  
Kế toán trưởng

  
Trần Thị Anh Đào  
Người lập

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 (Theo phương pháp trực tiếp)  
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014

**MẪU B03 - CTQ**  
 Đơn vị : VND

Chỉ tiêu	Mã số	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	110.819.788	3.138.285.627
2. Tiền chi trả cho người lao động	03	(843.494.626)	(895.192.320)
3. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	-	(570.369.623)
4. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	119.885.121.792	1.015.383.533.862
5. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(119.540.029.016)	(1.016.199.204.758)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(387.582.062)</b>	<b>857.052.788</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(300.000.000)	(1.500.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.998.416.699	407.692.500
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>1.698.416.699</b>	<b>(1.092.307.500)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(550.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>-</b>	<b>(550.000.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>1.310.834.637</b>	<b>(785.254.712)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	698.573.086	12.299.339.042
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	2.009.407.723	11.514.084.330



Nguyễn Đức Tài  
 Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2014

Trần Thị Anh Đào  
 Kế toán trưởng

Trần Thị Anh Đào  
 Người lập



**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**  
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014

**MẪU B05 - CTQ**  
 Đơn vị: VND

Chi tiêu	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ		Số tăng/giảm				Số dư cuối kỳ	
		Năm trước	Năm nay	Năm trước		Năm nay		Năm trước	Năm nay
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		25.000.000.000	25.000.000.000	-	-	-	-	25.000.000.000	25.000.000.000
2. Lợi nhuận chưa phân phối		1.271.875.980	1.407.360.999	765.112.224	-	-	172.188.579	2.036.988.204	1.235.172.420
		<b>26.271.875.980</b>	<b>26.407.360.999</b>	<b>765.112.224</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>172.188.579</b>	<b>27.036.988.204</b>	<b>26.235.172.420</b>



**Nguyễn Đức Tài**  
 Giám đốc  
 Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2014

*(Signature)*  
**Trần Thị Anh Đào**  
 Kế toán trưởng

*(Signature)*  
**Trần Thị Anh Đào**  
 Người lập

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU B09 - CTQ**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Bông Sen (gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được chuyển đổi hình thức sở hữu từ Công ty TNHH Quản lý quỹ Đầu tư Chứng khoán Bông Sen theo Giấy phép số 35/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10 tháng 03 năm 2009, giấy phép điều chỉnh số 26/GPĐC-UBCK của Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05 tháng 01 năm 2012 và giấy phép điều chỉnh số 53/GPĐC-UBCK của Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14 tháng 11 năm 2012.

Vốn Điều lệ của Công ty là 25.000.000.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2014 là 09 người. (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 12 người).

Số nhân viên có chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ :6 người

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Phòng 902 tòa nhà 17T6, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

**Ngành, nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty bao gồm quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư, và tư vấn đầu tư chứng khoán.

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

**Kỳ kế toán năm**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014.

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Áp dụng Chuẩn mực**

Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty đã áp dụng Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2014.

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

**Công nợ tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Ghi nhận các khoản dự phòng phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá chứng khoán**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự theo qui định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009 về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi, bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập cho từng loại chứng khoán tại thời điểm kết thúc năm tài chính khi giá thị trường cùng thời điểm thấp hơn giá trị đầu tư ghi nhận ban đầu.

**Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thoả mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được ghi nhận là thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Phương tiện vận tải	10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03

**Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình tại Công ty thể hiện giá trị phần mềm kế toán với nguyên giá là 99.000.000 đồng được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian sử dụng ước tính là 5 năm.

**Kế toán các khoản đầu tư chứng khoán**

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Giá vốn của các chứng khoán được xác định là bán ra trong kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

#### **IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

##### **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

##### **Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

##### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SEN**Phòng 902, tòa nhà 17T6, phường Nhân Chính,  
quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho kỳ hoạt động  
từ 01/01/2014 đến 30/06/2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU B09 - CTQ**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/06/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	29.052.876	3.137.311
Tiền gửi ngân hàng	280.354.847	695.435.775
Các khoản tương đương tiền	1.700.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>2.009.407.723</b>	<b>698.573.086</b>

**2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

	<b>30/06/2014</b>		<b>01/01/2014</b>	
	<b>Số lượng</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Giá trị</b>
- Tiền gửi có kỳ hạn		10.172.382.435		10.823.988.198
- Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn	101.721	1.809.776.585	101.721	1.809.776.585
Chi tiết danh mục cổ phiếu bị giảm giá				
HAG	3	72.600	3	61.500
PAC	43	933.100	43	834.200
SHI	20.202	113.131.200	20.202	94.949.400
TTF	4	38.400	4	25.200
Saraecom	50.000	-	50.000	-
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(1.317.933.085)		(1.336.238.085)
<b>Cộng</b>		<b>10.664.225.935</b>		<b>11.297.526.698</b>

Đơn vị : VND

**3. Các khoản phải thu hoạt động nghiệp vụ**

	<b>30/06/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	51.785.923	38.653.816
<b>Cộng</b>	<b>51.785.923</b>	<b>38.653.816</b>

**4. Các khoản phải thu ngắn hạn khác**

	<b>30/06/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu khác	256.294.983	512.051.333
<b>Cộng</b>	<b>256.294.983</b>	<b>512.051.333</b>

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**5. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	315.092.582	315.092.582
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	7.527.487	-
	<b>322.620.069</b>	<b>315.092.582</b>

**6. Tài sản cố định hữu hình**

	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại 01/01/2014	657.794.711	74.793.579	732.588.290
Giảm trong kỳ	-	38.165.379	38.165.379
<b>Tại 30/06/2014</b>	<b>657.794.711</b>	<b>36.628.200</b>	<b>694.422.911</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại 01/01/2014	301.489.265	74.793.579	376.282.844
Tăng trong kỳ	32.889.738	-	32.889.738
Giảm trong kỳ	-	38.165.379	38.165.379
<b>Tại 30/06/2014</b>	<b>334.379.003</b>	<b>36.628.200</b>	<b>371.007.203</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại 01/01/2014	356.305.446	-	356.305.446
<b>Tại 30/06/2014</b>	<b>323.415.708</b>	<b>-</b>	<b>323.415.708</b>

**7. Tài sản dài hạn khác**

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Ký quỹ, ký cược dài hạn (*)	14.183.619.830	-
<b>Cộng</b>	<b>14.183.619.830</b>	<b>-</b>

(\*) Là khoản ký quỹ, ký cược dài hạn của Công ty vào Công ty Cổ phần chứng khoán Golden Bridge Việt Nam (GBS). GBS hiện đang trong tình trạng kiểm soát đặc biệt và không đảm bảo thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật về phá sản doanh nghiệp. Tuy nhiên theo thông tin Công ty thu thập được, Cổ đông lớn nhất của GBS là Golden Bridge Investment & Securities Company đã phê duyệt đầu tư thêm 3.000.000 đô la Mỹ hỗ trợ cho GBS. Hiện tại số tiền này đã được chuyển sang tài khoản phong tỏa tại Việt Nam và GBS đang làm thủ tục tăng vốn điều lệ và xin phê duyệt của UBCK Nhà nước Việt Nam về phương án tăng vốn điều lệ.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014, Công ty đang trích lập dự phòng phải thu khó đòi cho khoản ký quỹ, ký cược trên với số tiền 1.418.361.983 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B09 - CTQ**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**8. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<b>30/06/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế thu nhập cá nhân	19.340.174	38.408.599
Các loại thuế khác	1.775.514	502.500
<b>Cộng</b>	<b>21.115.688</b>	<b>38.911.099</b>

**9. Chi phí phải trả**

	<b>30/06/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phí kiểm toán	23.500.000	25.000.000
Khác	3.890.000	3.140.000
<b>Cộng</b>	<b>27.390.000</b>	<b>28.140.000</b>

**10. Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư**

	<b>Từ 01/01/2014 đến</b>	<b>Từ 01/01/2013 đến</b>
	<b>30/06/2014</b>	<b>30/06/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	28.498.997	185.650.425
Số hoàn nhập trong kỳ	-	-
Số trích lập trong kỳ	1.400.743	18.666.817
Số dư cuối kỳ	29.899.740	204.317.242



V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

11. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nhà đầu tư ủy thác trong nước		
<b>Cổ phiếu niêm yết</b>	<b>5.357.254.140</b>	<b>3.090.834.716</b>
<i>Chi tiết cổ phiếu niêm yết bị giảm giá</i>		
C32	175.230.000	-
CTD	30.750.000	25.250.000
DHG	245.000.000	-
DPM	303.620.000	
FPT	116.500.000	211.950.000
MAFPF1	281.494.000	-
PTB	675.135.000	-
SHI	50.400	42.300
VNM	164.700.000	-
VNR	817.500.000	-
<b>Cổ phiếu chưa niêm yết</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>5.357.254.140</b>	<b>3.090.834.716</b>
Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài		
<b>Cổ phiếu niêm yết</b>	<b>13.839.967.576</b>	<b>10.817.672.664</b>
<i>Chi tiết cổ phiếu niêm yết bị giảm giá</i>		
ABT	151.890.000	-
C32	594.000.000	-
CTG	446.411.500	498.749.400
DAD	1.650.000	1.750.000
DPM	1.369.520.000	867.350.000
DXP	395.900.000	484.710.000
GAS	-	232.750.000
HDO	-	172.000
NTP	315.000.000	-
PVD	1.155.000	1.012.600.000
PTB	353.970.000	-
SDT	-	685.000.000
TRA	462.000	-
VNR	17.440.000	-
<b>Cổ phiếu chưa niêm yết</b>	<b>7.572.032.000</b>	<b>7.572.032.000</b>
<b>Tiền gửi có kỳ hạn</b>	<b>-</b>	<b>3.597.601.105</b>
<b>Cộng</b>	<b>21.411.999.576</b>	<b>21.987.305.769</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>26.769.253.716</b>	<b>25.078.140.485</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SEN**

Phòng 902, tòa nhà 17T6, phường Nhân Chính,  
quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ hoạt động  
từ 01/01/2014 đến 30/06/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU B09 - CTQ**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****12. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác**

	<b>30/06/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu về giao dịch chứng khoán	3.571.190.000	-
Phải thu phí quản lý	129.488.694	148.796.655
Phải thu cổ tức	114.608.000	79.296.000
Lãi được nhận	-	59.023.497
<b>Cộng</b>	<b>3.815.286.694</b>	<b>287.116.152</b>

**13. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác**

	<b>30/06/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải trả về giao dịch chứng khoán	297.656.760	161.062.385
Phải trả thuế	20.998.015	7.865.908
Phải trả phí quản lý	30.787.908	30.787.908
Phải trả phí môi giới	1.127.833	-
Phải trả phí lưu ký	955.700	-
<b>Cộng</b>	<b>351.526.216</b>	<b>199.716.201</b>

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**1. Tổng doanh thu hoạt động nghiệp vụ ( Mã số 01)**

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Doanh thu hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và công ty đầu tư chứng khoán	-	1.393.645.855
Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	130.127.749	187.675.313
Doanh thu hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	690.000.000	1.599.500.000
<b>Cộng</b>	<b>820.127.749</b>	<b>3.180.821.168</b>

**2. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán (Mã số 02)**

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Chi phí hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và công ty đầu tư chứng khoán	78.615.846	420.111.787
Chi phí hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	393.079.231	252.067.073
Chi phí hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	314.463.385	518.044.715
<b>Cộng</b>	<b>786.158.462</b>	<b>1.190.223.575</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính ( Mã số 21)**

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Lãi tiền gửi	409.756.728	471.235.054
Cổ tức lợi nhuận được chia	540.100	735.700
<b>Cộng</b>	<b>410.296.828</b>	<b>471.970.754</b>

**4. Chi phí tài chính ( Mã số 22)**

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	24.217.800	14.078.000
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài	(42.522.800)	-
<b>Cộng</b>	<b>(18.305.000)</b>	<b>14.078.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SEN**

Phòng 902, tòa nhà 17T6, phường Nhân Chính,  
quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ hoạt động  
từ 01/01/2014 đến 30/06/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU B09 - CTQ**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)****5. Chi phí thuế thu nhập hiện hành ( Mã số 51)**

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	-	254.792.175
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành kỳ này	-	-
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>254.792.175</b>

**6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	(172.188.579)	765.112.224
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể phân phối cho các cổ đông	(172.188.579)	765.112.224
Số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông	2.500.000	2.500.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>(69)</b>	<b>306</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý**

**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 3 bộ phận hoạt động là bộ phận hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và công ty đầu tư chứng khoán, bộ phận hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và bộ phận tư vấn đầu tư chứng khoán, Công ty lập báo cáo bộ phận theo ba bộ phận kinh doanh này.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

**Bảng cân đối kế toán (Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014)**

	VND		VND		VND	
	Hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và công ty đầu tư chứng khoán	Hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	Hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	Loại trừ	Tổng cộng	
<b>Tài sản</b>						
Tài sản bộ phận	-	51.785.923	-	-	51.785.923	
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	26.475.511.305	
Tổng tài sản hợp nhất	-	51.785.923	-	-	26.527.297.228	
<b>Nợ phải trả</b>						
Nợ phải trả bộ phận	-	178.610.935	-	-	178.610.935	
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	113.513.873	
Tổng nợ phải trả hợp nhất	-	178.610.935	-	-	292.124.808	

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**1. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý (Tiếp theo)**

**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (từ 01/01/2014 đến 30/06/2014)**

	Hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và công ty đầu tư chứng khoán	Hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	Hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	Loại trừ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Doanh thu</b>					
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	-	130.127.749	690.000.000	-	820.127.749
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các BP khác	-	-	-	-	-
Tổng Doanh thu	-	130.127.749	690.000.000	-	820.127.749
Khấu hao và chi phí phân bổ	151.537.532	757.687.657	606.150.126	-	1.515.375.315
<b>Kết quả kinh doanh</b>					
Kết quả kinh doanh bộ phận	(151.537.532)	(627.559.908)	83.849.874	-	(695.247.566)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(151.537.532)	(627.559.908)	83.849.874	-	(695.247.566)
Doanh thu từ các khoản đầu tư					410.296.828
Lãi khác					94.457.159
Chi phí tài chính					(18.305.000)
Lỗ trước thuế					(172.188.579)
Chi phí thuế TNDN					-
<b>Lỗ trong kỳ</b>					<b>(172.188.579)</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**1. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý (Tiếp theo)**

**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)**

**Bảng cân đối kế toán (Tại ngày ngày 01 tháng 01 năm 2014)**

	Hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và công ty đầu tư chứng khoán	Hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	Hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	Loại trừ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản</b>					
Tài sản bộ phận	-	38.653.816	-	-	38.653.816
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	27.344.678.002
Tổng tài sản hợp nhất	-	38.653.816	-	-	27.383.331.818
<b>Nợ phải trả</b>					
Nợ phải trả bộ phận	-	177.295.652	-	-	177.295.652
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	798.675.167
Tổng nợ phải trả hợp nhất	-	177.295.652	-	-	975.970.819

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**1. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý (Tiếp theo)**

**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (từ 01/01/2013 đến 30/06/2013)**

	Hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và công ty đầu tư chứng khoán	Hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	Hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	Loại trừ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Doanh thu</b>					
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.393.645.855	187.675.313	1.599.500.000	-	3.180.821.168
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các BP khác	-	-	-	-	-
Tổng Doanh thu	1.393.645.855	187.675.313	1.599.500.000	-	3.180.821.168
Khấu hao và chi phí phân bổ	1.560.461.224	936.276.735	974.184.488	-	3.470.922.447
<b>Kết quả kinh doanh</b>					
Kết quả kinh doanh bộ phận	(166.815.369)	(748.601.422)	625.315.512	-	(290.101.279)
Chi phí không phân bổ					
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(166.815.369)	(748.601.422)	625.315.512	-	(290.101.279)
Doanh thu từ các khoản đầu tư					471.970.754
Lãi khác					852.112.924
Chi phí tài chính					14.078.000
Lợi nhuận trước thuế					1.019.904.399
Chi phí thuế TNDN					254.792.175
<b>Lãi trong kỳ</b>					<b>765.112.224</b>



**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****1. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý (Tiếp theo)****Bộ phận theo khu vực địa lý**

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Công ty có trụ sở đặt tại phòng 902, tòa nhà 17T6, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội. Đồng thời, Công ty không có công ty con hay chi nhánh nào khác. Do đó, công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28- Báo cáo bộ phận.

**2. Công cụ tài chính****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ, tiền và các khoản tương đương tiền, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số IV "Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu" tương ứng

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.009.407.723	698.573.086
Phải thu khách hàng và phải thu khác	256.294.983	512.051.333
Đầu tư ngắn hạn	10.664.225.935	11.297.526.698
<b>Tổng cộng</b>	<b>12.929.928.641</b>	<b>12.508.151.117</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	-	-
Chi phí phải trả	27.390.000	28.140.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>27.390.000</b>	<b>28.140.000</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****2. Công cụ tài chính (Tiếp theo)****Các loại công cụ tài chính (Tiếp theo)**

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty có rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình (bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối).

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

**VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**2. Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

**Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
<b>Tại 30/06/2014</b>			
Chi phí phải trả	27.390.000	-	27.390.000
Các khoản vay	-	-	-
	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
<b>Tại 01/01/2014</b>			
Chi phí phải trả	28.140.000	-	28.140.000
Các khoản vay	-	-	-

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
<b>Tại 30/06/2014</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.009.407.723	-	2.009.407.723
Phải thu khách hàng và phải thu khác	256.294.983	-	256.294.983
Đầu tư tài chính	10.664.225.935	-	10.664.225.935
	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
<b>Tại 01/01/2014</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	698.573.086	-	698.573.086
Phải thu khách hàng và phải thu khác	512.051.333	-	512.051.333
Đầu tư tài chính	11.297.526.698	-	11.297.526.698

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU B09 - CTQ***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****3. Thông tin về các bên liên quan**

Thu nhập của Ban giám đốc của Công ty được hưởng trong kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 như sau:

Ban giám đốc	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Từ 01/01/2014 đến	Từ 01/01/2013 đến
			30/06/2014	30/06/2013
			VND	VND
Ông Nguyễn Đức Tài	Giám đốc	Tiền lương	150.000.000	285.000.000
Ông Phạm Trọng Bình	Phó Giám đốc	Tiền lương	52.800.000	-

**4. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ hoạt động và cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính.

**5. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013 đã được soát xét.



Nguyễn Đức Tài  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2014

Trần Thị Anh Đào  
Kế toán trưởng

Trần Thị Anh Đào  
Người lập

